

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/DS-ST

Ngày: 13-5-2022

V/v tranh chấp hợp đồng
góp hui và hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Kế An;
2. Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 250/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1970. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Trương Thị Ngọc T, sinh năm 1962. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 25/10/2021, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện không ghi ngày tháng và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

+ Về nợ vay: Vào ngày 21/3/2021 (âl) chị có cho chị Trương Thị Ngọc T vay 2 chỉ vàng 24k, thời hạn vay là 04 tháng. Khi cho vay không thỏa thuận lãi suất và chị Trương

Thị Ngọc T có viết biên nhận và ký tên vay vàng. Từ khi vay vàng đến nay chị Trương Thị Ngọc T không trả lại cho chị.

+ Về hội: Ngày 19/6/2020 (âl) chị có ra cho chị Trương Thị Ngọc T một phần hội 5.000.000 đồng, hội tháng gồm 15 phần, chị giao tổng cộng tiền cho chị Trương Thị Ngọc T là 52.000.000 đồng. Chị Trương Thị Ngọc T có nghĩa vụ chung hội chết cho chị là 15 tháng, mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Nhưng chị Trương Thị Ngọc T chỉ chung hội chết cho chị được 08 lần. Vậy chị Trương Thị Ngọc T còn nợ lại chị 7 lần hội chết là 35.000.000 đồng.

Nay chị yêu cầu chị Trương Thị Ngọc T phải trả cho chị 02 chỉ vàng 24K và 35.000.000 đồng tiền nợ hội, không yêu cầu tính lãi và yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn chị Trương Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị Trương Thị Ngọc T không đến Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang làm việc và trình bày ý kiến của chị Trần Thị T về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Bị đơn chị Trương Thị Ngọc T cư trú: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp hợp đồng góp hội và hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn chị Trần Thị T với bị đơn chị Trương Thị Ngọc T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn là chị Trương Thị Ngọc T nhưng chị Trương Thị Ngọc T vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trương Thị Ngọc T.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T về việc buộc chị Trương Thị Ngọc T trả 02 chỉ vàng 24K nợ vay và 35.000.000 đồng tiền nợ hội có cung cấp chứng cứ là các biên nhận ngày 21/3/2021 (âl) và ngày 19/6/2020 (âl) để chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa bị đơn chị Trương Thị Ngọc T vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản phản đối yêu cầu trên của nguyên đơn chị

Trần Thị T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn chị Trương Thị Ngọc T có nợ nguyên đơn chị Trần Thị T 02 chỉ vàng 24K nợ vay và 35.000.000 đồng tiền nợ hui. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T, buộc bị đơn chị Trương Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn chị Trần Thị T 02 chỉ vàng 24K nợ vay và 35.000.000 đồng tiền nợ hui, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với các quy định tại Điều 463; Điều 466 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

[3] Về án phí: Bị đơn chị Trương Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn chị Trương Thị Ngọc T.

Buộc bị đơn Chị Trương Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Trần Thị T 02 chỉ vàng 24K nợ vay và 35.000.000 đồng tiền nợ hui, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả

tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Bị đơn chị Trương Thị Ngọc T phải chịu 2.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho nguyên đơn chị Trần Thị T số tiền 1.125.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001355 ngày 09/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Thúy

